TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày 02/4/2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mạc Hoàng Nhủ.

Ông Lê Minh Luân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Kệ - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Đặng Văn V, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: K, V, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1995 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 01 năm 2019 và tại phiên tòa, anh Đặng Văn V trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn vào ngày 07/01/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cải với nhau và chị Nguyễn Thị N cho rằng cuộc sống, sinh hoạt không phù hợp với gia đình chồng và vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 8/2018 cho đến nay. Xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm

giữa vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị N. Về con chung, có hai người tên là Đặng Hoàng K (giới tính nam), sinh ngày 16/10/2015 và Đặng Thiên K (giới tính nam), sinh ngày 04/01/2018, cả hai người con đang do chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng. Nay anh yêu cầu được nuôi Đặng Hoàng K và giao Đặng Thiên K cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng, anh và chị Nguyễn Thị N không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung là không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn và mâu thuẫn xảy ra đúng như anh Đặng Văn V đã khai. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và cuộc sống hôn nhân không tìm được hạnh phúc, nên chị đồng ý ly hôn với anh Đặng Văn V. Về con chung đúng như anh Đặng Văn V đã trình bày, chị không chấp nhận theo yêu cầu của anh Đặng Văn V mà chị yêu cầu được nuôi cả hai người con chung, không yêu cầu anh Đặng Văn V cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung là không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh Đặng Văn V ly hôn với chị Nguyễn Thị N. Về con chung có hai người, căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đề nghị giao cho chị Nguyễn Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai người con chung và ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Đặng Văn V cấp dưỡng nuôi con. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, buộc anh Đặng Văn V phải chịu theo quy định chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc anh Đặng Văn V yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị N là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân, anh Đặng Văn V và chị Nguyễn Thị N kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 07 tháng 01 năm 2014, nên hôn nhân giữa anh Đặng Văn V và chị Nguyễn Thị N được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét về mâu thuẫn thì anh Đặng Văn V và chị Nguyễn Thị N thống nhất xác định là trong cuộc sống chung của vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cải với nhau, cuộc sống, sinh hoạt của chị Nguyễn Thị N không phù hợp với gia đình chồng và vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2018 cho đến nay. Xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm giữa vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh Đặng Văn V yêu cầu ly hôn và được chị Nguyễn Thị N đồng ý. Xét thấy, hôn nhân của anh Đặng Văn V và chị Nguyễn Thị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, chấp nhận cho anh Đặng Văn V ly hôn với chị Nguyễn Thị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, có hai người tên là Đặng Hoàng K, sinh ngày 16/10/2015 và Đặng Thiên K, sinh ngày 04/01/2018, cả hai người con đang do chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng. Anh Đặng Văn V yêu cầu được nuôi Đặng Hoàng K và giao Đặng Thiên K cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng. Còn chị Nguyễn Thị N thì yêu cầu được nuôi cả hai người con chung và không yêu cầu anh Đặng Văn V cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu nuôi một người con của anh Đặng Văn V là chính đáng. Lẽ ra, giao cho anh Đặng Văn V và chị Nguyễn Thị N mỗi người nuôi một người con là phù hợp. Tuy nhiên, kể từ khi anh Đặng Văn V và chị Nguyễn Thị N không còn sống chung thì chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con và hiện tại thì cả hai người con chung còn đang ở độ tuổi rất nhỏ. Đối với Đặng Hoàng K chỉ mới 41 tháng tuổi và đang bị bệnh cần sự chắm sóc, điều trị trong thời gian dài. Còn Đặng Thiên K chưa tròn 15 tháng tuổi. Chính vì vậy rất cần đến sự chăm sóc, nuôi dưỡng từ người mẹ đối với con chung. Bên cạnh đó, điều kiện nuôi con của chị Nguyễn Thị N phù hợp cho việc nuôi dưỡng con chung so với anh Đặng Văn V. Chị Nguyễn Thị N được cha, mẹ cho riêng đất nuôi tôm và làm thêm nghề phụ tại gia đình. Còn anh Đặng Văn V cũng có điều kiện nuôi con, nhưng nghề nghiệp lao động của anh không đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung (anh Đặng Văn V làm nghề phụ hồ, thời gian lao động của anh là 8 giờ/ ngày). Chính từ lẽ đó, nhằm để ổn định cuộc sống, sinh hoạt và sự phát triển bình thường của con chưa thành niên, nên giao cả hai người con chung cho chị Nguyễn Thị N chịu trách nhiệm nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị N là không yêu cầu anh Đặng Văn V phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với điều kiện thực tế và có căn cứ theo quy định tại các điều 81,82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Anh Đặng Văn V và chị Nguyễn Thị N xác định tài sản chung và nợ chung không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Đặng Văn V chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Đặng Văn V ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung, giao cho chị Nguyễn Thị N chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung tên là Đặng Hoàng K (giới tính nam), sinh ngày 16/10/2015 và Đặng Thiên K (giới tính nam), sinh ngày 04/01/2018. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị N là không yêu cầu anh Đặng Văn V phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đặng Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Đặng Văn V phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007443, ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, anh Đặng Văn V đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Ủy ban nhân dân xã K,
huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Phương